

Số: 59/2024/QĐST-VDS
Ngày 26/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Nga.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-VDS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự" theo Quyết định mở phiên họp số 101/2024/QĐPH-ST ngày 05 ngày 8 tháng 2024, Quyết định hoãn phiên họp số 106/QĐ ngày 19/8/2024 gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Lê Khang M** - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: **Phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1983.

2. Ông **Hoàng Văn K**, sinh năm 1980.

Đều cùng địa chỉ: **Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên họp có mặt ông **M**, bà **T**, vắng mặt ông **K**.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông **Lê Khang M**, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa:

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự của bà **Phạm Thị T** và ông **Hoàng Văn K** tại thửa đất số 377, tờ bản đồ 06 (E_48_08_113_b), bản đồ địa chính xã H diện tích 430m²; trong đó đất ở 359m², đất trồng cây lâu năm 71m² đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00803, cấp theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND cấp ngày 08/11/2010 ông **Hoàng Văn K** và bà

Phạm Thị T ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất là nhà ở.

Mục đích của việc yêu cầu xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 28/QĐ-CCTHADS ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, bà Phạm Thị T phải thi hành án cho ông Hoàng Mạnh H số tiền là 49.280.000 đồng (Bốn chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi chậm thi hành án theo quy định.

Biên bản ghi lại lời khai ngày 23/7/2024 và lời trình bày tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2021 tôi có vay tiền của anh Hoàng Mạnh H số tiền 58.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn chưa có tiền trả nên năm 2023 anh H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu tôi trả số tiền gốc, lãi còn nợ. Tại Tòa án tôi và anh H đã thỏa thuận tôi còn nợ anh H số tiền gốc là 58.000.000 đồng và 12.280.000 đồng tiền lãi. Tổng là 70.280.000 đồng. Tôi đã trả được cho anh H số tiền là 21.000.000 đồng, số tiền còn lại là 49.280.000 đồng tôi chưa trả được cho anh H.

Nay cơ quan Thi hành án yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng tôi để thi hành số tiền nợ cho anh H, ý kiến của tôi là hiện nay vợ chồng tôi có một thửa đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng tôi tại thửa đất số 377 và tài sản là nhà ở cấp bốn trên thửa đất là tài sản chung của vợ chồng chúng tôi, việc vay nợ anh H là do tôi vay chứ anh K chồng tôi không liên quan gì đến khoản nợ mà tôi vay của anh H nên Cơ quan Thi hành án yêu cầu Tòa án xác định tài sản chung của tôi và chồng tôi để lấy phần của tôi trả nợ cho anh H, tôi không đồng ý việc phân chia tài sản chung của chúng tôi, vì hiện nay số tiền tôi còn nợ anh H rất ít so với thửa đất của vợ chồng tôi nên số tiền tôi nợ thì tôi sẽ có trách nhiệm trả dần cho anh H, do hiện nay tôi đang ốm nên số tiền dùng vào việc chữa bệnh nên chưa có để trả ngay cho anh H được, đề nghị Tòa án cho tôi xin được hoãn nợ. Các văn bản giấy tờ của Tòa án tôi là người nhận, chồng tôi là ông K không có liên quan gì đến việc vay nợ giữa tôi với anh H, chồng tôi cũng không biết chữ nên tôi là người ký nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án giao và có trách nhiệm thông báo lại cho ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn K không có ý kiến gì và từ chối ký vào biên bản.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 15/8/2024 đã xác định tài sản chung của bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn K gồm:

Về đất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã H, diện tích 430m²; trong đó đất ở 359m², đất trồng cây lâu năm 71m² sử dụng đến ngày 15/10/2043 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do UBND

huyện H cấp ngày 08/11/2010 cho ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đo đạc thực tế diện tích đất là 329m², có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa 376 hộ ông Hoàng Sỹ H1; Phía Nam giáp thửa 405 hộ ông Hoàng Thanh L; Phía Đông giáp thửa 403 hộ bà Hoàng Thị L1 và thửa 404 hộ bà Hoàng Thị T1; Phía Tây giáp ngõ xóm

Tài sản gắn liền với đất: 01 chuồng trại lợn Broximãng 47,4m²; 01 nhà tắm đổ bằng 4,8m²; 01 nhà ở cấp bốn hướng nam lợp ngói 67m² và 01 nhà ở cấp bốn hướng tây lợp ngói 39,4m², sân gạch, tường rào, cổng ngõ. (Các kích thước được xác định kèm theo sơ đồ, trích đo).

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự: Ông Lê Khang M vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án: Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự của bà Phạm Thị T, ông Hoàng Văn K để bà T thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật và yêu cầu bà T, ông K phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tổng là 5.900.000 đồng. (Trong đó: Chi phí đo đạc 3.500.000 đồng, chi cho hội đồng thẩm định 1.400.000 đồng).

Bà Phạm Thị T không đồng ý với yêu cầu của Cơ quan Thi hành án yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất và nhà với lý do số tiền bà T còn nợ anh H rất ít so với thửa đất của vợ chồng nên số tiền bà nợ anh H bà sẽ có trách nhiệm trả dần cho anh H, nhưng do hiện nay chưa có để trả ngay cho anh H được, đành phải được khất nợ trả dần. Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định bà T chỉ đồng ý chịu 1/2 số tiền mà ông Myêu cầu.

Ông Lê Khang M đồng ý giảm cho bà T số tiền chi phí cho Hội đồng xem xét, thẩm định là 1.400.000 đồng, số tiền đo đạc bà T phải chịu toàn bộ là 3.500.000 đồng.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa phát biểu quan điểm tại phiên họp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người yêu cầu trong quá trình giải quyết việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự” kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị áp dụng khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 184, Điều 366, 370, 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 158, 213, 219 Bộ luật dân sự, Điều 29, 33, 34, 39, 45 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 74 Luật thi hành án dân sự; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Khang M, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T

2. Xác định thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã H, diện tích 430m² (Đo thực tế 429m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 08/11/2010 cho ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền trên thửa đất là tài sản chung của ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T, mỗi người được quyền sử dụng, sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị T phải chịu tiền chi phí đo đạc, thẩm định tài sản.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Khang M không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Yêu cầu của ông Lê Khang M Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự” với bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn K ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Hoàng Văn K vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Hoàng Văn K.

[3] Về nội dung việc dân sự:

[3.1] Bà Phạm Thị T là người phải thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 28/QĐ-CCTHADS ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo nội dung của Quyết định thi hành án thì bà Phạm Thị T phải trả cho ông Hoàng Mạnh H số tiền là 49.280.000 đồng (Bốn chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án quy định: “*Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ*

tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục dân sự”. Ngày 04/3/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa đã ban hành thông báo số 73/TB-CTHADS thông báo cho bà **Phạm Thị T** và ông **Hoàng Văn K** gửi đơn đến Tòa án có thẩm quyền để yêu Tòa án xác định, phân chia phần quyền sở hữu của mỗi người đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là nhà và đất nói trên theo pháp luật Tố tụng dân sự; kết quả giải quyết của Tòa án là cơ sở để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa xử lý tài sản chung của bà **T**, ông **K** để thi hành án theo quy định của pháp luật. Ngày 12/4/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa đã ban hành thông báo số 154/TB-CTHADS thông báo cho ông **Hoàng Mạnh H** gửi đơn đến Tòa án có thẩm quyền để yêu Tòa án xác định, phân chia phần quyền sở hữu của mỗi người đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là nhà đất của bà **T**, ông **K** theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên **H** không yêu cầu, do đó Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án để thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3.2] Xét tài sản của bà **Phạm Thị T** và ông **Hoàng Văn K** là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã **H**, diện tích 430m² (Đo thực tế 429m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do **UBND huyện H** cấp ngày 08/11/2010 cho ông **Hoàng Văn K** và bà **Phạm Thị T** ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền trên thửa đất gồm: Nhà ở, nhà tắm, chuồng trại, sân gạch, tường rào, công ngõ được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, bà **T**, ông **K** có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo dựng khối tài sản chung nêu trên. Do đó, đủ căn cứ để xác định khối tài sản trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà **Phạm Thị T** và ông **Hoàng Văn K**.

[3.3] Như vậy xác định tài sản chung của bà **Phạm Thị T** và ông **Hoàng Văn K** là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã **H**, diện tích 430m² (Đo thực tế 429m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do **UBND huyện H** cấp ngày 08/11/2010 cho ông **Hoàng Văn K** và bà **Phạm Thị T** ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa, về tài sản chung bà **T** và ông **K** không yêu cầu giải quyết nên số tài sản trên đều thuộc quyền sở hữu chung của bà **T** và ông **K** chưa chia; việc thi hành Quyết định số 02/2023/QĐST-DS ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, ông **K** không có nghĩa vụ thi hành Quyết định này, mà chỉ bà **T** phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án, nhưng bà **T** không tự nguyện thi hành nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa đã ra Quyết định thi hành án theo quy định về thi hành án dân sự; hiện tại tài sản của bà **T** nằm trong khối tài sản chung của ông **Hoàng Văn K** và bà **Phạm Thị T**; do đó Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Hoàng Hóa đã có đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa.

Như đã phân tích ở trên, toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã H, diện tích 430m²(Đo thực tế 429m²)theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 08/11/2010 cho ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn K mỗi người được 50% trị giá theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị T phải chịu số tiền chi phí đo đạc là 3.500.000 đồng.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Khang M không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 366; 367; 369; 370; 371; 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự;

Điều 29, 33, 34, 45; 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 74; khoản 4 Điều 179 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Khang M - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung” của bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn K để thi hành án dân sự.

2. Xác định Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06(E_48_08_113_b) bản đồ địa chính xã H, diện tích 430m² (Đo thực tế 429m²)theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB346481, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00803, cấp theo quyết định số 3301/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 08/11/2010 cho ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị T ở xóm E, xã H (nay là thôn C, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền trên thửa đất gồm 01 chuồng trại lợn Broximãng 47,4m²; 01 nhà tắm đổ bằng 4,8m²; 01 nhà ở cấp bốn hướng nam lợp ngói 67m² và 01 nhà ở cấp bốn hướng tây lợp ngói 39,4m², sân gạch, tường rào, cổng ngõ, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa 376 hộ ông Hoàng Sỹ H1; Phía Nam giáp thửa 405 hộ ông Hoàng Thanh L; Phía Đông giáp thửa 403 hộ bà Hoàng Thị L1 và thửa 404 hộ bà Hoàng Thị T1; Phía Tây giáp ngõ xóm là tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu

chung của bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn K.

3. Bà Phạm Thị T được quyền sở hữu, quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng (Gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo tại trang 8 của Quyết định).

4. Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho ông Lê Khang M số tiền đo đạc thẩm định là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Khang M không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Lê Khang M, bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo Quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định, ông Hoàng Văn K có quyền kháng cáo Quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Chủ trì phiên họp

Cao Thị Nga

SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT

Số 377, tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính xã Hoàng Lương (nay là xã Hoàng Sơn)

Chủ sử dụng: Ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị T

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

